

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06-12-2022

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Trung Thống.

Bà Trần Thị Thi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dư – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhanh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 465/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Ngọc M, sinh năm: 1988 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Nơi đăng ký HKTT: ấp A, xã AT, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở: ấp TH, xã TPL, huyện Ch, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Quốc T, sinh năm: 1991 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

- Con chung của chị Đặng Ngọc M và anh Bùi Quốc T là cháu Bùi Thái B, sinh ngày 16-3-2013 (*Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa*).

Cư trú tại: ấp A, xã AT, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18-10-2022, biên bản lấy lời khai ngày 09-11-2022, nguyên đơn chị Đặng Ngọc M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Quốc T đi đến hôn nhân do tự quen nhau, được cha mẹ hai bên chấp nhận, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện TC, tỉnh Trà Vinh vào ngày 28-5-2014. Không có vàng nữ trang ngày cưới. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn,

do tính tình không hợp, thường hay cự cãi về mọi việc trong gia đình. Nên đã tự sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay. Gia đình cha mẹ hai bên cũng có động viên, nhưng vợ chồng chị không thể nào hàn gắn lại được. Nay do tình cảm vợ chồng không còn, nên chị khởi kiện xin được ly hôn với anh Bùi Quốc T.

Về con chung: Chị và anh Bùi Quốc T có hai người con chung là Bùi Thái B, sinh ngày 16-3-2013 và Bùi Thị Yến D, sinh ngày 02-11-2016. Thời gian vợ chồng ly thân, cháu B sống chung với anh T, còn cháu D sống chung với chị. Khi ly hôn, tùy cháu B muốn sống với cha hoặc mẹ đều được, còn cháu D thì chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng. Và theo đơn khởi kiện, chị yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu D tròn 18 tuổi, nhưng quá trình giải quyết vụ án chị tự nguyện rút lại không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu D nữa, mà chị sẽ tự chăm lo cho cháu D, chị và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi hai con.

Tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Chị xác định chị và anh Bùi Quốc T không có tài sản chung, không nợ chung của ai, cũng không ai nợ chung của chị và anh T, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị xác định ngoài những giấy tờ đã nộp kèm đơn khởi kiện, thì chị không nộp thêm chứng cứ gì để Tòa án xem xét. Chị cũng không thuộc diện gia đình chính sách nào.

Tại bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt cùng ngày 25-10-2022, bị đơn anh Bùi Quốc T trình bày:

Anh và chị Đặng Ngọc M đi đến hôn nhân do tự quen nhau, cha mẹ hai bên chấp nhận, không có vàng nữ trang cưới. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau từ năm 2010 cho đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do thường xuyên cự cãi, vợ chồng không còn tin tưởng nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị M. Về con chung: Cháu Bùi Thái B, sinh ngày 16-3-2013 hiện đang sống chung với anh, còn cháu Bùi Thị Yến D, sinh ngày 02-11-2016 hiện đang sống chung với chị M. Khi ly hôn, anh tiếp tục nuôi dưỡng cháu B, còn chị M tiếp tục nuôi dưỡng cháu D, chưa yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi hai con. Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Anh thống nhất xác định anh và chị M không có tài sản chung, không có nợ chung phải thu, phải trả. Anh không ý kiến gì với các giấy tờ chị M nộp kèm theo đơn khởi kiện mà Tòa án đã công khai cho anh được biết. Riêng anh không yêu cầu gì, nên không cung cấp chứng cứ gì để Tòa án xem xét, cũng không thuộc diện gia đình chính sách nào.

Tại đơn tự khai và yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt ngày 25-10-2022, cháu Bùi Thái B trình bày: Cha mẹ cháu là Bùi Quốc T và Đặng Ngọc M. Hiện nay cháu đang sống chung với cha. Trường hợp cha mẹ ly hôn, thì nguyện vọng của cháu là muốn được tiếp tục sống chung với cha.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Đặng Ngọc M, anh Bùi Quốc T cùng cháu Bùi Thái B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị áp dụng các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Ngọc M: Cho chị M được ly hôn với anh Bùi Quốc T. Về con chung: Giao cháu Bùi Thái B, sinh ngày 16-3-2013 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu Bùi Thị Yến D, sinh ngày 02-11-2016 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu B là muốn sống chung với cha; Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự chưa yêu cầu, nên không xem xét; Chị M tự nguyện rút phần yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên đình chỉ; Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Về tài sản chung và về nợ chung: Chị M và anh T cùng xác định không có, nên không xem xét giải quyết. Ngoài ra, Vị đề nghị nguyên đơn có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện C nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Đặng Ngọc M là nguyên đơn và anh Bùi Quốc T là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án nhân dân huyện C triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử vụ án vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 06-12-2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, nhưng chị M, anh T cùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo luật định.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Đặng Ngọc M và anh Bùi Quốc T xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện TC, tỉnh Trà Vinh vào ngày 28-5-2014. Nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do những bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, thiếu sự

quan tâm, chăm sóc, tin tưởng lẫn nhau, dẫn đến anh chị tự ý sống ly thân nhau từ đó cho đến hôm nay mà không hàn gắn lại được.

[3] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,...*”, nhưng chị M và anh T đã không thực hiện được các nghĩa vụ này với nhau. Hiện tại, anh chị mỗi người mỗi việc, sống ở hai nơi khác nhau, không còn quan tâm, cũng không liên hệ để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[4] Tòa án có thông báo mời hòa giải vào các ngày 09-11-2022, 17-11-2022 để chị M, anh T có cơ hội gặp nhau trao đổi về tình trạng hôn nhân giữa hai người, nhưng anh T đều vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được đối với anh chị.

[5] Từ những nhận định trên, thấy rằng đời sống chung của vợ chồng chị M, anh T đang trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị M là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nên Tòa án chấp nhận yêu cầu, cho chị M được ly hôn với anh T.

[6] *Về con chung*: Chị Đặng Ngọc M và anh Bùi Quốc T có hai người con chung tên Bùi Thái B, sinh ngày 16-3-2013 và Bùi Thị Yến D, sinh ngày 02-11-2016, hiện cháu B đang sống chung với anh T, cháu D đang sống chung với chị M. Chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D, còn cháu B tùy nguyện vọng muốn sống với cha hoặc mẹ đều được. Anh T đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu B, còn cháu D để chị M tiếp tục nuôi dưỡng. Tại đơn tự khai và yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt ngày 25-10-2022, cháu B nêu nguyện vọng muốn được sống chung với cha trường hợp khi giải quyết cha mẹ ly hôn. Chị M tự nguyện rút phần yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu D; Còn anh T chưa đặt ra yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Do đó, cần xử giao cháu D cho chị M được quyền nuôi dưỡng và giao cháu B cho anh T được quyền nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu B. Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề cấp dưỡng nuôi con; Đình chỉ phần yêu cầu của chị M về việc yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu D.

[7] *Về tài sản chung*: Tòa án đã giải thích theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nhưng chị Đặng Ngọc M và anh Bùi Quốc T cùng thống nhất xác định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[8] *Về nợ chung*: Do chị Đặng Ngọc M và anh Bùi Quốc T cùng thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ anh chị, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[9] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Đặng Ngọc M có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 70, 144, 147, 227, 228, 238, 244, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Ngọc M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Ngọc M được ly hôn với anh Bùi Quốc T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Bùi Thái B, sinh ngày 16-3-2013 cho anh Bùi Quốc T tiếp tục nuôi dưỡng và giao con chung tên Bùi Thị Yên D, sinh ngày 02-11-2016 cho chị Đặng Ngọc M tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu B là muốn được sống chung với cha.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đình chỉ phần yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn của chị Đặng Ngọc M đối với anh Bùi Quốc T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Đặng Ngọc M và anh Bùi Quốc T thống nhất xác định không có tài sản chung, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Đặng Ngọc M và anh Bùi Quốc T thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ anh chị, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Đặng Ngọc M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0013004 ngày 18 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã TH, huyện TC;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Thảo